



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VN  
PETROVIETNAM TECHNICAL  
SERVICES CORPORATION  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
**CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ**  
***DINH VU PETROLEUM SERVICES***  
***PORT JOINT STOCK COMPANY***

Số/No: 424/PTSCDV-CBTT

V/v: Công bố thông tin Báo cáo

tài chính bán niên soát xét năm 2025

*Disclose information of the reviewed semi-  
annual financial statements for 2025.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
**Independence - Freedom – Happiness**

Hải Phòng, ngày 09 tháng 08 năm 2025

*Hai Phong, date 09 month 08 year 2025*

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH** ***PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS***

Kính gửi:     - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
                  - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
  
To:             - *The State Securities Commission*  
                  - *Hanoi Stock Exchange*

Thực hiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (MCK: **PSP**) thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) bán niên soát xét năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau/*In compliance accordance with provisions of Clause 1, Clause 2, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Minister of Finance guiding the Information disclosure on securities markets, Dinh Vu Petroleum Service Port Joint Stock Company (Stock Code: PSP) discloses the reviewed semi-annual financial statements for 2025 to the Hanoi Stock Exchange as follows:*

1. **BCTC bán niên soát xét năm 2025** theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC gồm/*The reviewed semi-annual financial statements for 2025, in accordance with Circular No. 96/2020/TT-BTC, include:*

☒ BCTC riêng (Tổ chức không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc)/*Unconsolidated Financial statements (Organizations without subsidiaries and the parent accounting entity with sub-units);*

☐ BCTC hợp nhất (Tổ chức có công ty con)/*Consolidated financial statements (Organizations with subsidiaries);*

☐ BCTC tổng hợp (Tổ chức có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)/*Combined financial statements (Organizations with affiliated accounting units within a separate accounting system).*

2. Các **văn bản giải trình** phải công bố thông tin **đồng thời** cùng với BCTC theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT- BTC gồm/***Documents for explanation must be disclosed simultaneously with the financial statements as in accordance with provisions of Clause 4, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC, including:***

i) Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (Ý kiến ngoại trừ/ Ý kiến trái ngược/ Từ chối cho ý kiến)/*The auditing organization issues an opinion other than an unqualified opinion on the financial statements (Qualified opinion/Adverse opinion/Disclaimer of opinion)?*

☐ Có/Yes

☐ Không/No

Văn bản giải trình về ý kiến không chấp nhận toàn phần của tổ chức kiểm toán/*Documents for explanation regarding the auditor's opinion other than an unqualified opinion.*

☐ Có/Yes

☐ Không/No

ii) Lợi nhuận sau thuế (LNST) thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước/*Profit after corporate income tax (net profit) in the Statement of Profit and Loss for the reporting period changes by 10% or more compared to the same period of the previous year?*

☒ Có/Yes

☐ Không/No

Văn bản giải trình LNST thu nhập doanh nghiệp thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước/*Documents for explanation on the change in net profit after corporate income tax by 10% or more compared to the same period of the previous year?*

☒ Có/Yes

☐ Không/No

iii) LNST trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau bán niên soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại/*Net profit for the reporting period has a difference of 5% or more before and after the semi-annual review, or changes from a loss to a profit, or vice versa.*

☐ Có/Yes

☐ Không/No

Văn bản giải trình LNST chênh lệch trước và sau kiểm toán/ bán niên soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại/ *Documents for explanation on the change in net profit by 5% or more before and after the audit/semi-annual review, or the change from a loss to a profit, or vice versa:*

☐ Có/Yes

☐ Không/No

iv) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại/*Net profit for the reporting period is in a loss*

*position, changing from a profit in the same period of the previous year to a loss in the current period, or vice versa:*

☐ Có/Yes

☐ Không/No

*Văn bản giải trình Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại/Documents for explanation on the net profit for the reporting period being in a loss position, changing from a profit in the same period of the previous year to a loss in the current period, or vice versa:*

☐ Có/Yes

☐ Không/No

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 09/08/2025 tại đường dẫn: [www.ptscdinhvu.com.vn](http://www.ptscdinhvu.com.vn). *This information was published on the company's website on August 09, 2025 as in the link: [www.ptscdinhvu.com.vn](http://www.ptscdinhvu.com.vn)*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law for the content of the disclosed information..*

**Trân trọng!**

**Respectfully!**

**Nơi nhận/Recipients:**

- Như trên/*As above;*
- HĐQT, BKS (để b/c)/*BOD, Supervisory Board (for reporting);*
- BGĐ (để b/c)/*BOM (for reporting);*
- Website: [www.ptscdinhvu.com.vn](http://www.ptscdinhvu.com.vn);
- Lưu/Archived: VT, TK Công ty/*Clerical, Company Secretary.*

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
Legal representative/ Person authorized to disclose information  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)  
(Signature, full name, position, and seal)



**Đặng Kiến Nghiệp**

**Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

- BCTC bán niên soát xét năm 2025;
- *Reviewed semi-annual financial statements for 2025.*
- Văn bản giải trình.
- *Documents for explanation.*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025





MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 35



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải,

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hải Bằng	Chủ tịch, Đại diện pháp luật
Ông Nguyễn Quang Thường	Thành viên
Ông Lê Trọng Quân	Thành viên
Ông Trần Bùi Quang Long	Thành viên
Ông Nguyễn Chí Trung	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Chí Trung	Phó Giám đốc Phụ trách
Ông Vũ Ngọc Phách	Phó Giám đốc
Ông Vũ Văn Hùng	Phó Giám đốc

#### Ban Kiểm soát

Bà Hồ Thị Kim Ánh	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Đặng Kiều Anh	Ủy viên
Ông Lê Thanh Tú	Ủy viên

Trong kỳ, Chủ tịch Hội đồng Quản trị đã ủy quyền việc điều hành công tác tài chính, bao gồm ký các báo cáo tài chính quý/năm của Công ty cho Phó Giám đốc phụ trách theo Giấy Ủy quyền số 373/UQ-PTSCDV ngày 10 tháng 7 năm 2024.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải,  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Nguyễn Chí Trung**

**Phó Giám đốc phụ trách**

(Theo Giấy Ủy quyền số 373/UQ-PTSCDV  
ngày 10 tháng 7 năm 2024)

Ngày 06 tháng 8 năm 2025



Số: *0182* /VN1A-HN-BC

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:**           **Các Cổ đông**  
                          **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
                          **Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06 tháng 8 năm 2025, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

### **Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 20 tháng 02 năm 2025 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Công ty đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo soát xét đề ngày 29 tháng 7 năm 2024 đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.



**Khúc Thị Lan Anh**

**Phó Tổng Giám đốc Phụ trách**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0036-2023-001-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 06 tháng 8 năm 2025

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>95.378.167.111</b>	<b>74.822.261.356</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>17.615.445.864</b>	<b>10.322.347.648</b>
1. Tiền	111		15.435.445.864	8.142.347.648
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.180.000.000	2.180.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>21.000.000.000</b>	<b>21.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	21.000.000.000	21.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>48.077.767.930</b>	<b>34.679.136.547</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	41.735.270.084	29.453.264.325
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		19.213.815	15.130.923
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	11.813.470.152	10.668.583.315
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(5.490.186.121)	(5.457.842.016)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>3.792.710.566</b>	<b>2.599.408.431</b>
1. Hàng tồn kho	141		3.792.710.566	2.599.408.431
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.892.242.751</b>	<b>6.221.368.730</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	4.108.665.599	5.165.344.770
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	783.577.152	1.056.023.960
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>449.955.129.784</b>	<b>458.207.545.070</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>310.679.798.851</b>	<b>325.239.948.998</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	310.671.465.529	325.206.615.674
- Nguyên giá	222		691.495.741.880	691.782.920.432
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(380.824.276.351)	(366.576.304.758)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	8.333.322	33.333.324
- Nguyên giá	228		1.397.000.000	1.397.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.388.666.678)	(1.363.666.676)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>7.985.925.926</b>	<b>210.000.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	7.985.925.926	210.000.000
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>13.280.751.860</b>	<b>14.200.847.229</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	28.125.000.000	28.125.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	14	(14.844.248.140)	(13.924.152.771)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>118.008.653.147</b>	<b>118.556.748.843</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	103.035.835.821	102.982.175.574
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	9	14.972.817.326	15.574.573.269
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>545.333.296.895</b>	<b>533.029.806.426</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>82.968.073.411</b>	<b>74.553.236.694</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>58.385.444.778</b>	<b>46.450.608.061</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	25.914.857.459	17.282.507.503
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		263.231.949	3.078.388.754
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	3.509.802.934	1.066.005.416
4. Phải trả người lao động	314		5.704.400.530	2.475.083.153
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	4.654.632.615	1.871.703.446
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		227.875.000	192.830.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	5.933.500.031	6.212.928.428
8. Vay ngắn hạn	320	19	10.203.628.673	13.310.648.673
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	1.973.515.587	960.512.688
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>24.582.628.633</b>	<b>28.102.628.633</b>
1. Vay dài hạn	338	19	24.582.628.633	28.102.628.633
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>462.365.223.484</b>	<b>458.476.569.732</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>462.365.223.484</b>	<b>458.476.569.732</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		400.000.000.000	400.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		44.405.504.833	44.405.504.833
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.959.718.651	14.071.064.899
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		12.000.000.000	5.719.143.144
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		5.959.718.651	8.351.921.755
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>545.333.296.895</b>	<b>533.029.806.426</b>


Lương Quốc Phương  
Người lập biểu

Đặng Kiến Nghiệp  
Kế toán trưởngNguyễn Chí Trung  
Phó Giám đốc Phụ trách

Ngày 06 tháng 8 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	130.771.178.294	120.018.118.265
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	385.187.280	728.317.460
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	23	130.385.991.014	119.289.800.805
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	95.326.740.953	91.437.535.710
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		35.059.250.061	27.852.265.095
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	550.596.748	766.032.884
7. Chi phí tài chính	22	27	2.408.319.424	3.236.909.187
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.480.323.074	3.282.240.352
8. Chi phí bán hàng	25	28	16.362.873.253	15.812.953.376
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	9.593.975.874	9.016.770.044
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		7.244.678.258	551.665.372
11. Thu nhập khác	31		248.066.473	4.229.212.590
12. Chi phí khác	32		180.816.741	292.886.067
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		67.249.732	3.936.326.523
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.311.927.990	4.487.991.895
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	1.352.209.339	887.120.116
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		5.959.718.651	3.600.871.779
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	127	68


Lương Quốc Phương  
Người lập biểu

Đặng Kiến Nghiệp  
Kế toán trưởngNguyễn Chí Trung  
Phó Giám đốc Phụ trách

Ngày 06 tháng 8 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.311.927.990	4.487.991.895
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	02	14.560.150.147	14.912.455.025
Các khoản dự phòng	03	952.439.474	175.106.517
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(9.406.224)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(579.318.188)	(606.927.059)
Chi phí lãi vay	06	1.480.323.074	3.282.240.352
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	23.716.116.273	22.250.866.730
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(13.260.289.753)	2.619.948.919
(Tăng) hàng tồn kho	10	(591.546.192)	(3.615.540.942)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	7.613.509.200	(3.333.076.424)
Giảm chi phí trả trước	12	1.003.018.924	3.700.686.175
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.496.560.670)	(3.318.873.003)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(646.937.866)	(1.526.741.853)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.111.000.000	1.389.865.840
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.169.062.000)	(1.548.160.840)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15.279.247.916	16.618.974.602
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.555.185.185)	(3.936.762.037)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	92.558.923	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(10.000.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	591.702.882	783.497.420
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(870.923.380)	(13.153.264.617)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.627.020.000)	(7.477.020.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(494.430.000)	(32.480.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(7.121.450.000)</b>	<b>(7.509.500.000)</b>
 Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	 50	 7.286.874.536	 (4.043.790.015)
 Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	 60	 10.322.347.648	 21.720.647.557
 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	 61	 6.223.680	 -
 Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	 70	 17.615.445.864	 17.676.857.542


Lương Quốc Phương  
Người lập biểu

Đặng Kiến Nghiệp  
Kế toán trưởngNguyễn Chí Trung  
Phó Giám đốc Phụ trách

Ngày 06 tháng 8 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 02221000007 ngày 09 tháng 10 năm 2007 do Ban Quản lý Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hải Phòng cấp có thời hạn hoạt động là 40 năm kể từ ngày của:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203003372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng (nay là Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng) cấp lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007, sửa đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 11 năm 2009; và
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200754420 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng (nay là Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng) cấp lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007, sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 30 tháng 7 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết Upcom với mã cổ phiếu là PSP.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC). Công ty mẹ tối cao là Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (trước đây là “Tập đoàn Dầu khí Việt Nam”).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 222 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 223 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ cảng biển, dịch vụ dầu khí, vận tải, xăng dầu, khí hóa lỏng, khách sạn và một số lĩnh vực khác.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty bao gồm:

- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ, vận tải đường thủy, kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải;
- Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: kinh doanh cảng biển; và
- Bán xăng, dầu và các sản phẩm liên quan.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.



Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 01 công ty liên kết sở hữu trực tiếp là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải. Chi tiết như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Số 441, đường Đà Nẵng, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	20,57%	20,57%	Thi công xây lắp các công trình dân dụng, kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, kinh doanh dịch vụ khách sạn.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh



ng nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu.

##### ***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng tổn thất đầu tư. Dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị của các vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản, nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<b>Thời gian khấu hao</b> (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc, thiết bị	06 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa tiền thu thuần từ thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

### Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.



### **Thuê tài sản**

#### Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

### **Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều kỳ kế toán. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ trong kỳ tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

### **Ghi nhận doanh thu**

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### **Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo nhưng đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong kỳ báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	24.608.293	315.891.930
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.410.837.571	7.826.455.718
Các khoản tương đương tiền (i)	2.180.000.000	2.180.000.000
	<b>17.615.445.864</b>	<b>10.322.347.648</b>

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và lãi suất 1,9%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1,9%/năm).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm khoản tiền gửi với số dư là 180.000.000 VND có kỳ hạn 3 tháng và được hưởng lãi suất là 1,9%/năm tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại ("MBV") - trước đây là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương. Khoản tiền gửi này đang bị tạm dừng chi trả tiền gốc do việc chi trả được xây dựng trong đề án tái cơ cấu của MBV. Từ ngày 18 tháng 12 năm 2024, MBV đã trở thành ngân hàng con thuộc sở hữu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội. Do đó, Công ty đánh giá rằng việc thanh toán cho các khoản tiền gửi tồn đọng nêu trên sẽ có thể sớm được tiến hành.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	21.000.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000
	<b>21.000.000.000</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>21.000.000.000</b>

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và được hưởng lãi suất cố định từ 2,6%/năm - 4,2%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2,6%/năm - 3,9%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hàng hải VSICO	12.391.157.098	11.808.582.912
Công ty Cổ phần Logistics và Xếp dỡ Biển Việt	9.299.437.686	2.633.091.840
Chi nhánh Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty kinh doanh sản phẩm khí	3.507.353.428	1.632.420.000
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	3.453.573.736	3.453.573.736
Các đối tượng khác	13.083.748.136	9.925.595.837
	<b>41.735.270.084</b>	<b>29.453.264.325</b>
<b>Trong đó: Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 32)</b>	<b>21.996.891.685</b>	<b>20.947.137.687</b>



**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược	5.272.000.000	5.132.494.642
Chi hộ tiền thuê đất (i)	3.949.739.735	2.986.746.685
Góp vốn dư vào công ty liên kết (ii)	1.502.213.982	1.502.213.982
Dự thu lãi tiền gửi	187.957.424	292.901.041
Phải thu khác	901.559.011	754.226.965
	<b>11.813.470.152</b>	<b>10.668.583.315</b>
<b>Trong đó: Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 32)</b>	<b>5.451.953.717</b>	<b>4.488.960.667</b>

- (i) Phản ánh khoản chi phí thuê đất trả trước ngắn hạn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (“PVC Duyên Hải”), công ty liên kết của Công ty, của khu đất tại địa chỉ 441 Đường Đà Nẵng, phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng.
- (ii) Phản ánh khoản góp vốn dư bằng tài sản vào PVC Duyên Hải theo Hợp đồng góp số 06/2010/HĐGV/PTSCDV-PVCDH ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	3.453.573.736	-	3.453.573.736	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	3.949.739.735	1.916.885.750	2.986.746.685	982.478.405
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa	25.056.000	21.297.600	-	-
	<b>7.428.369.471</b>	<b>1.938.183.350</b>	<b>6.440.320.421</b>	<b>982.478.405</b>
<b>Tổng giá trị dự phòng đã trích lập</b>	<b>5.490.186.121</b>		<b>5.457.842.016</b>	

9. HÀNG TỒN KHO VÀ THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>				
Nguyên liệu, vật liệu	646.906.605	-	997.856.474	-
Công cụ dụng cụ	3.145.803.961		1.601.551.957	
	<b>3.792.710.566</b>	<b>-</b>	<b>2.599.408.431</b>	<b>-</b>
<b>b. Dài hạn</b>				
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn (i)	14.972.817.326	-	15.574.573.269	-
	<b>14.972.817.326</b>	<b>-</b>	<b>15.574.573.269</b>	<b>-</b>

(i) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị của thiết bị, vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.403.768.441	4.466.468.426
Khác	704.897.158	698.876.344
	<b>4.108.665.599</b>	<b>5.165.344.770</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Tiền thuê đất		
- Khu đất rộng 139.000 m2 (*)	81.963.463.181	83.847.680.723
- Khu đất rộng 12.106 m2 (*)	8.700.632.178	8.900.646.714
- Khu đất rộng 2.500 m2 (*)	2.124.688.368	2.173.531.776
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.520.835.988	7.320.775.428
Các khoản chi phí trả trước khác	6.726.216.106	739.540.933
	<b>103.035.835.821</b>	<b>102.982.175.574</b>

(\*) Phản ánh giá trị còn lại của các khoản tiền thuê đất trả trước tại Khu Công nghiệp Đình Vũ với thời hạn thuê đến ngày 02 tháng 4 năm 2047.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Số dư đầu kỳ</b>	325.524.695.472	297.228.502.832	66.770.908.194	2.258.813.934	691.782.920.432
Giảm do thanh lý	-	-	(287.178.552)	-	(287.178.552)
Điều chỉnh khác	7.800.000			(7.800.000)	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	325.532.495.472	297.228.502.832	66.483.729.642	2.251.013.934	691.495.741.880
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>Số dư đầu kỳ</b>	163.218.699.489	138.875.745.216	62.678.405.892	1.803.454.161	366.576.304.758
Khấu hao trong kỳ	5.833.830.444	7.589.909.632	1.074.362.667	37.047.402	14.535.150.145
Giảm do thanh lý	-	-	(287.178.552)	-	(287.178.552)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	169.052.529.933	146.465.654.848	63.465.590.007	1.840.501.563	380.824.276.351
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại ngày đầu kỳ</b>	162.305.995.983	158.352.757.616	4.092.502.302	455.359.773	325.206.615.674
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	156.479.965.539	150.762.847.984	3.018.139.635	410.512.371	310.671.465.529

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 91.083.583.267 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 78.235.006.606 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã dùng các tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 302.791.285.742 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 316.619.707.161 VND) để làm tài sản bảo đảm cho các khoản tiền vay ngân hàng.



12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu kỳ	1.397.000.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.397.000.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu kỳ	1.363.666.676
Khấu hao trong kỳ	25.000.002
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.388.666.678</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu kỳ	33.333.324
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>8.333.322</b>

Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 1.247.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.247.000.000 VND).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dự án: Mua sắm 02 xe nâng container 45 tấn đã qua sử dụng không quá 10 năm	7.775.925.926	-
Dự án: Nâng cấp phần mềm kế toán Fast Financial thành Fast Business Online	210.000.000	210.000.000
	<b>7.985.925.926</b>	<b>210.000.000</b>

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>28.125.000.000</b>	<b>(14.844.248.140)</b>	<b>28.125.000.000</b>	<b>(13.924.152.771)</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (i)	28.125.000.000	(14.844.248.140)	28.125.000.000	(13.924.152.771)

(i) Phản ánh khoản tiền Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC Duyên Hải) trong năm 2010 bằng tài sản gắn liền với đất thuê, lợi thế quyền thuê đất tại số 441 (số cũ 427) Đường Đà Nẵng, Phường Đông Hải (trước đây là Phường Đông Hải 1, Quận Hải An), Thành phố Hải Phòng, với tổng giá trị đầu tư là 28.125.000.000 Đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 của PVC Duyên Hải ngày 18 tháng 9 năm 2020, vốn điều lệ của công ty này là 136.732.500.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong PVC Duyên Hải đều là 20,57%.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết như sau:

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 32.

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Hải Thanh Thanh	6.718.400.000	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Con Ong	3.844.777.700	3.618.627.644
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Pvoil Hải Phòng	2.142.599.061	1.153.182.490
Công ty TNHH Thương mại Song Dũng	2.517.484.268	1.522.032.092
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	1.847.437.305	208.802.938
Các đối tượng khác	8.844.159.125	10.779.862.339
	<b>25.914.857.459</b>	<b>17.282.507.503</b>
<b>Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 32)</b>	<b>2.219.599.061</b>	<b>1.230.182.490</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>Số đầu kỳ</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số đã thực nộp trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản thuế phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	1.056.023.960	312.425.958	39.979.150	783.577.152
	<b>1.056.023.960</b>	<b>312.425.958</b>	<b>39.979.150</b>	<b>783.577.152</b>
<b>Các khoản thuế phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	434.998.858	3.454.259.991	1.716.249.946	2.173.008.903
Thuế thu nhập doanh nghiệp	631.006.558	1.352.209.339	646.937.866	1.336.278.031
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.075.500	2.559.500	516.000
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	<b>1.066.005.416</b>	<b>4.812.544.830</b>	<b>2.368.747.312</b>	<b>3.509.802.934</b>



17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Chi phí thuê tàu lai phải trả	1.671.180.411	682.346.998
Chi phí duy tu, nạo vét phải trả	925.925.928	-
Chi phí khai thác kho CFS, làm hàng phải trả	802.848.534	-
Phí hoa hồng phải trả	471.156.000	455.717.500
Chi phí lãi vay phải trả	36.926.563	53.164.159
Chi phí khác	746.595.179	680.474.789
	<b>4.654.632.615</b>	<b>1.871.703.446</b>

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Cổ tức phải trả	4.217.184.000	4.711.614.000
Phải trả khác cho người lao động	907.610.933	937.879.400
Nhận ký quỹ, ký cược	400.000.000	400.000.000
Khác	408.705.098	163.435.028
	<b>5.933.500.031</b>	<b>6.212.928.428</b>

19. VAY

a. Vay ngắn hạn

Vay ngắn hạn phản ánh số dư nợ dài hạn đến hạn trả của các khoản vay dài hạn, chi tiết tại Thuyết minh 19(b).

b. Vay dài hạn

	Số đầu kỳ		Trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND		VND	VND
	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (i)	35.142.628.633	-	3.520.000.000	31.622.628.633
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng (ii)	6.270.648.673	-	3.107.020.000	3.163.628.673
	<b>41.413.277.306</b>	<b>-</b>	<b>6.627.020.000</b>	<b>34.786.257.306</b>
<b>Trong đó:</b>				
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	13.310.648.673			10.203.628.673
- Số phải trả sau 12 tháng	28.102.628.633			24.582.628.633

- (i) Phản ánh khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (Vietcombank Đông Anh) theo Hợp đồng cho vay số 21005/CRC.TH/HĐTD.DAH ngày 04 tháng 6 năm 2021 với hạn mức tín dụng là 90,05 tỷ VND nhằm tài trợ vốn phục vụ Phương án “Đầu tư một cầu hàng container tầm với 37m”. Thời hạn vay là 84 tháng, đáo hạn vào ngày 10 tháng 12 năm 2029. Lãi suất cho vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 7,6%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 7,6%/năm). Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem Thuyết minh số 11)
- (ii) Phản ánh khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng (Vietinbank Bắc Hải Phòng) theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 0809/2017-HĐCVDA/NHCT161-ĐV ngày 08 tháng 9 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 65 tỷ VND để thanh toán các khoản phí đầu tư của Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng cầu cảng PTSC Đình Vũ 20.000 DWT. Thời hạn vay là 120 tháng, đáo hạn vào ngày 20 tháng 9 năm 2027. Lãi suất cho vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 7,7%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 7,7%/năm). Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem Thuyết minh số 11).

Các khoản nợ dài hạn khác được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	10.203.628.673	13.310.648.673
Trong năm thứ hai	7.040.000.000	13.310.648.673
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	17.542.628.633	14.791.979.960
	<b>34.786.257.306</b>	<b>41.413.277.306</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	10.203.628.673	13.310.648.673
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>24.582.628.633</b>	<b>28.102.628.633</b>

**20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	960.512.688	41.768.023
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ	2.071.064.899	2.598.407.560
Chi quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ	(1.058.062.000)	(158.295.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.973.515.587</b>	<b>2.481.880.583</b>



21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>				
Số dư đầu kỳ	400.000.000.000	41.807.097.273	18.915.958.264	460.723.055.537
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	3.600.871.779	3.600.871.779
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.598.407.560)	(2.598.407.560)
Trích quỹ đầu tư, phát triển	-	2.598.407.560	(2.598.407.560)	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>44.405.504.833</b>	<b>17.320.014.923</b>	<b>461.725.519.756</b>
<b>Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</b>				
Số dư đầu kỳ	400.000.000.000	44.405.504.833	14.071.064.899	458.476.569.732
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	5.959.718.651	5.959.718.651
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(2.071.064.899)	(2.071.064.899)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>44.405.504.833</b>	<b>17.959.718.651</b>	<b>462.365.223.484</b>

- (i) Theo Nghị quyết số 237/NQ-PTSCDV-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông thường niên đã thông qua việc trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành với tỷ lệ 24,80% lợi nhuận sau thuế năm 2024, tương ứng 2.071,06 triệu VND.

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.000.000	40.000.000
Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.000.000	40.000.000
Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần gần nhất, vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	204.000.000.000	51,00	204.000.000.000	51,00
Công ty Cổ phần Hàng hải VSICO	88.402.000.000	22,10	88.402.000.000	22,10
Công ty Cổ phần Hải Minh	24.146.000.000	6,04	24.146.000.000	6,04
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	21.646.000.000	5,41	21.646.000.000	5,41
Các cổ đông khác	61.806.000.000	15,45	61.806.000.000	15,45
<b>Tổng cộng</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

Cổ tức

Theo Nghị quyết số 237/NQ-PTSCDV-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông thường niên đã phê duyệt chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2024 bằng tiền với tỷ lệ 3% vốn điều lệ, tương ứng 12 tỷ VND. Công ty chưa thực hiện thông báo chi trả cổ tức, do đó, chưa hạch toán khoản cổ tức được chia này vào báo cáo tài chính giữa niên độ.

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đô la Mỹ (USD)	1.000,00	128.849,51

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	130.129.347.541	119.016.865.861
Doanh thu bán hàng hóa	641.830.753	476.201.626
Doanh thu từ hợp đồng thi công và lắp đặt - thuê nhà thầu	-	525.050.778
	<b>130.771.178.294</b>	<b>120.018.118.265</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu thương mại	385.187.280	728.317.460
	<b>385.187.280</b>	<b>728.317.460</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>130.385.991.014</b>	<b>119.289.800.805</b>
<b>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 32)</b>	<b>59.513.432.812</b>	<b>18.403.385.177</b>



**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	94.698.459.671	90.499.716.716
Giá vốn của hàng hóa đã bán	628.281.282	465.273.294
Giá vốn của hợp đồng thi công và lắp đặt- thuê nhà thầu	-	472.545.700
	<b>95.326.740.953</b>	<b>91.437.535.710</b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.808.894.058	63.537.371.082
Chi phí nhân công	27.537.076.747	22.416.224.022
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	14.560.150.147	14.912.455.025
Chi phí phân bổ	6.428.873.999	4.973.040.809
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.224.953.113	5.366.803.664
Chi phí thuê đất	2.133.075.486	2.133.075.486
Chi phí khác	1.962.285.248	2.463.015.748
	<b>120.655.308.798</b>	<b>115.801.985.836</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	486.759.265	606.927.059
Lãi chênh lệch tỷ giá	63.837.483	159.105.825
	<b>550.596.748</b>	<b>766.032.884</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	1.480.323.074	3.282.240.352
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	920.095.369	(70.431.120)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.900.981	25.099.955
	<b>2.408.319.424</b>	<b>3.236.909.187</b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>		
Chi phí hoa hồng môi giới	13.494.976.100	12.799.330.300
Chi phí nhân viên	2.021.458.862	1.964.076.768
Các khoản chi phí bán hàng khác	846.438.291	1.049.546.308
	<b>16.362.873.253</b>	<b>15.812.953.376</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	6.872.462.105	5.660.437.416
Chi phí khấu hao và hao mòn	137.314.950	123.044.034
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.172.891.227	1.363.760.119
Dự phòng phải thu khó đòi	32.344.105	245.537.637
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.378.963.487	1.623.990.838
	<b>9.593.975.874</b>	<b>9.016.770.044</b>

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	1.352.209.339	887.120.116
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>1.352.209.339</b>	<b>887.120.116</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	7.311.927.990	4.487.991.895
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
Chi phí không được trừ	618.553.938	450.239.937
Lãi dự thu và chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản tiền và nợ phải thu	(402.936.361)	-
<b>Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>7.527.545.567</b>	<b>4.938.231.832</b>
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	7.527.545.567	4.938.231.832
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>1.505.509.113</b>	<b>987.646.366</b>
Miễn giảm thuế	(153.299.774)	(100.526.250)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ hiện hành</b>	<b>1.352.209.339</b>	<b>887.120.116</b>

Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN") như sau:

- Đối với Dự án đầu tư ban đầu theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 02221000007 ngày 09 tháng 10 năm 2007 và điều chỉnh lần đầu ngày 15 tháng 4 năm 2013, Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 10% trong 15 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên (2008) có doanh thu từ hoạt động được hưởng



ưu đãi thuế (đến năm 2022) và 20% trong các năm tiếp theo (từ năm 2023). Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ năm 2011 và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo từ năm 2015 đến năm 2023. Năm 2025, Công ty chịu thuế suất thông thường 20% cho thu nhập từ Dự án đầu tư ban đầu này.

- Đối với đầu tư mở rộng thỏa mãn điều kiện được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính, Công ty xác định ưu đãi được hưởng liên quan đến phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại được tính theo tỷ lệ giữa nguyên giá tài sản cố định ("TSCĐ") đầu tư mới đưa vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh trên tổng nguyên giá TSCĐ với mức ưu đãi miễn thuế trong 4 năm kể từ năm 2015 và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (đến năm 2027). Năm 2025 là năm thứ 7 Công ty phát sinh thuế TNDN cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại ở mức thuế suất 20% và được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp.

- Các hoạt động kinh doanh khác chịu mức thuế suất thông thường 20%.

Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh lỗ	Trình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2022	Chưa thanh tra thuế	2.163.211.263	(2.163.211.263)	-

### 30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	5.959.718.651	3.600.871.779
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(893.957.798)	(893.016.201)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>5.065.760.853</b>	<b>2.707.855.578</b>
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)</b>	<b>40.000.000</b>	<b>40.000.000</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>127</b>	<b>68</b>

- (\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích trong kỳ này được tạm tính với tỷ lệ 15% lợi nhuận sau thuế dựa trên kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 đã được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 có thể thay đổi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty về việc phân phối lợi nhuận năm 2025.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	3.600.871.779	3.600.871.779
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(1.080.261.534)	(893.016.201)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>2.520.610.245</b>	<b>2.707.855.578</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	40.000.000	40.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>63</b>	<b>68</b>

### 31. BÁO CÁO BỘ PHẬN

*Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh*

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ cảng biển, trong đó bao gồm một số dịch vụ liên quan thực hiện tại cảng như dịch vụ dầu khí, vận tải, xăng dầu, khí hóa lỏng và một số dịch vụ khác. Công ty cũng thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về hoạt động kinh doanh chính hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.



### 32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:*

#### **Bên liên quan**

Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam  
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam  
Công ty Cổ phần Hàng hải VSICO  
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất thức ăn gia súc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải

#### **Mối quan hệ**

Công ty mẹ tối cao  
Công ty mẹ  
Cổ đông lớn  
Cổ đông lớn  
Công ty liên kết

#### **Các công ty thành viên của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam**

Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí  
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng  
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt  
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí  
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế  
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí

Công ty thành viên cùng Tập đoàn  
Công ty thành viên cùng Tập đoàn  
Công ty thành viên cùng Tập đoàn  
Công ty thành viên cùng Tập đoàn  
Công ty thành viên cùng Tập đoàn  
Công ty thành viên cùng Tập đoàn  
Công ty thành viên cùng Tập đoàn

#### **Các công ty thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa  
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC  
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC

Công ty thành viên thuộc Tổng Công ty  
Công ty thành viên thuộc Tổng Công ty  
Công ty thành viên thuộc Tổng Công ty

#### **Các công ty thành viên của Công ty Cổ phần Hàng hải VSICO ("Công ty Cổ đông")**

Công ty Cổ phần Vsico Express Tây Bắc  
Công ty Cổ phần Vsico Express Hải Phòng  
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thiên Sơn tại Hà Nội  
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hàng hải Hà Nội

Công ty thành viên thuộc Công ty Cổ đông  
Công ty thành viên thuộc Công ty Cổ đông  
Công ty thành viên thuộc Công ty Cổ đông  
Công ty thành viên thuộc Công ty Cổ đông

#### **Các công ty thành viên của Công ty Cổ phần Container Việt Nam ("Công ty Cổ đông") (đến ngày 12 tháng 9 năm 2024)**

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng xanh  
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistic Xanh  
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh  
Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh  
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Công ty thành viên thuộc Công ty Cổ đông  
Công ty thành viên thuộc Công ty Cổ đông  
Công ty thành viên thuộc Công ty Cổ đông  
Công ty thành viên thuộc Công ty Cổ đông  
Công ty thành viên thuộc Công ty Cổ đông

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>59.513.432.812</b>	<b>18.403.385.177</b>
Công ty Cổ phần Hàng hải VSICO	38.915.046.310	-
Chi Nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	10.201.118.110	10.392.121.221
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	4.160.431.796	3.947.040.888
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ hàng hải Hà Nội	2.692.480.000	-
Công ty Cổ phần Vsico Express Tây Bắc	1.260.320.000	-
Công ty Cổ phần Vsico Express Hải Phòng	1.186.695.926	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thiên Sơn tại Hà Nội	971.265.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	98.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	28.075.670	26.747.024
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa	-	1.328.712.925
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	(*)	1.164.708.089
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng xanh	(*)	1.121.521.030
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	-	414.300.000
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistic Xanh	(*)	5.244.000
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh	(*)	2.990.000
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>5.187.036.948</b>	<b>6.375.048.035</b>
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	5.024.173.026	5.529.785.383
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	104.381.852	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	46.482.070	47.111.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	12.000.000	20.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	(*)	430.262.400
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	(*)	268.173.700
Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh	(*)	73.459.997
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistic Xanh	(*)	4.033.333
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	-	2.222.222
<b>Chi phí hoa hồng</b>	<b>13.365.527.000</b>	-
Công ty Cổ phần Hàng hải VSICO	13.365.527.000	-

(\*) Các công ty này không còn là bên liên quan của Công ty từ ngày 12 tháng 9 năm 2024.



*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động:*

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>21.996.891.685</b>	<b>20.947.137.687</b>
Công ty Cổ phần Hàng hải VSICO	12.391.157.098	11.808.582.912
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	3.453.573.736	3.453.573.736
Chi nhánh Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	3.507.353.428	1.632.420.000
Công ty Cổ phần Vsico Express Hải Phòng	724.021.200	699.433.680
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hàng hải Hà Nội	633.333.600	581.547.600
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	577.551.061	2.068.379.117
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thiên Sơn tại Hà Nội	424.040.400	293.317.200
Công ty Cổ phần Vsico Express Tây Bắc	239.511.600	186.364.800
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa	25.056.000	53.174.556
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	21.293.562	-
Công ty Cổ phần vận tải Nhật Việt	-	170.344.086
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>5.451.953.717</b>	<b>4.488.960.667</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	5.451.953.717	4.488.960.667
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>2.219.599.061</b>	<b>1.230.182.490</b>
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Pvoil Hải Phòng	2.142.599.061	1.153.182.490
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	77.000.000	77.000.000
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>168.132.888</b>	<b>98.010.684</b>
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	168.132.888	98.010.684
<b>Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết</b>	<b>28.125.000.000</b>	<b>28.125.000.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	28.125.000.000	28.125.000.000

**Thu nhập của người quản lý chuyên trách**

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	VND
1	Ông Nguyễn Hải Bằng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	448.850.065	445.944.074
2	Ông Vũ Hữu An	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024)	-	430.135.689
3	Ông Nguyễn Quang Thường	Thành viên Hội đồng Quản trị	24.000.000	18.000.000
4	Ông Trần Bùi Quang Long	Thành viên Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2024)	24.000.000	-
5	Ông Lê Trọng Quân	Thành viên Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2024)	24.000.000	-
6	Ông Phan Văn Hưng	Thành viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2024)	-	18.000.000
7	Ông Tạ Công Thông	Thành viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024)	-	18.000.000
8	Ông Nguyễn Chí Trung	Phó Giám đốc Phụ trách, Thành viên Hội đồng Quản trị	368.701.572	305.282.864
9	Ông Vũ Ngọc Phách	Phó Giám đốc	357.771.894	337.334.458
10	Ông Vũ Văn Hùng	Phó Giám đốc	361.717.494	341.280.057
11	Ông Đặng Kiến Nghiệp	Kế toán trưởng	308.951.599	289.775.010
12	Ông Lê Thanh Tú	Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024)	200.050.390	-
13	Bà Đặng Kiều Anh	Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm	141.463.586	118.772.921
			<b>2.259.506.600</b>	<b>2.322.525.073</b>

68-C  
TY  
+  
DÂN  
TTE  
AM  
T.P. H.A.



**Thông tin bổ sung cho các khoản phí tiền tệ**

Tiền chi trả cổ tức, lợi nhuận đã trả cho Cổ đông trong kỳ không bao gồm 4.217.184.000 VND (Kỳ trước: 4.711.614.000 VND), là số tiền cổ tức được chia cho các cổ đông theo các quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng Quản trị mà chưa thực hiện chi trả. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Shek



Ngày 06 tháng 8 năm 2025

Hải phòng, ngày 10. tháng 07. năm 2024.

## GIẤY ỦY QUYỀN

Về việc thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của người đại diện pháp luật

Căn cứ:

- Bộ luật dân sự 2015;
- Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ đã được thông qua;
- Chức năng và quyền hạn của người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ.

Những người liên quan thực hiện nội dung ủy quyền, cụ thể như sau:

### 1. BÊN ỦY QUYỀN (BÊN A).

Ông : Nguyễn Hải Bằng

Chức vụ : Người đại diện pháp luật - Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ.

Số CCCD : 001074040828 - Ngày cấp: 09/06/2023 - Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội.

### 2. BÊN NHẬN ỦY QUYỀN (BÊN B).

Ông : Nguyễn Chí Trung

Chức vụ : Phó Giám đốc phụ trách, điều hành Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ.

Số CCCD : 031072000350 - Ngày cấp: 16/06/2023 - Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội.

### 3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN.

#### 3.1 Phạm vi ủy quyền:

- Ủy quyền việc ký hợp đồng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ:





- Ký kết các hợp đồng, thoả thuận thuê, cho thuê, mua bán, cung cấp hàng hoá, dịch vụ phù hợp với ngành nghề kinh doanh, quy chế hoạt động, điều lệ và phân cấp thẩm quyền của Công ty.
  - Phê duyệt và ký các chào giá, chào thầu, biên bản, công văn, hồ sơ, tài liệu, văn bản giao dịch liên quan với các cơ quan có thẩm quyền, đối tác, khách hàng và bên thứ ba.
  - Tổ chức triển khai thực hiện, thanh toán, quyết toán, thanh lý, chấm dứt và thực hiện các công việc khác liên quan đến các hợp đồng, giao dịch, thoả thuận đã ký.
- **Ủy quyền việc giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ:**
- Thực hiện việc tuyển dụng, giao kết, triển khai thực hiện hợp đồng với người lao động; Sửa đổi, bổ sung nội dung hợp đồng lao động đối với người lao động làm việc tại Công ty theo quy định của Pháp luật về lao động và các quy định hiện hành của Công ty.
  - Xem xét, chỉ đạo, đào tạo, hướng dẫn, phối hợp thực hiện, giám sát, thúc đẩy công việc, ký, phê duyệt các thông tin, công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan.
- **Ủy quyền việc điều hành công tác tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ:**
- Tổ chức và chỉ đạo thực hiện công tác kế toán trong Công ty theo quy định của pháp luật về kế toán.
  - Ký các chứng từ thu chi, các chứng từ nộp thuế, lệnh chuyển tiền, giấy nhận nợ và các hồ sơ liên quan ngân hàng.
  - Ký báo cáo tài chính quý/năm và báo cáo soát xét bán niên, báo cáo kiểm toán năm của Công ty.
  - Đại diện Công ty làm việc và ký các văn bản, hồ sơ giao dịch với cơ quan thuế.
  - Ký các chứng từ, sổ sách, tài liệu, hồ sơ khác liên quan đến công tác tài chính kế toán.
  - Tổ chức kiểm tra kế toán trong công ty.
  - Tổ chức bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán.

### 3.2 Nghĩa vụ của các bên:

- Bên A chịu trách nhiệm cho bên B thực hiện các nội dung trong phạm vi ủy quyền này.

442  
T  
AN  
CH  
H  
V  
HAI

- Bên B thực hiện đúng phạm vi uỷ quyền và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, quy định của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt nam và các quy định của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ.
- Bên B đảm bảo hoàn thành công việc được uỷ quyền an toàn và đạt hiệu quả cao nhất.
- Bên B chịu trách nhiệm trước bên A và pháp luật về các hoạt động, quyết định theo nội dung uỷ quyền.
- Bên B báo cáo bên A về các công việc, quyết định, hoạt động thực hiện theo nội dung uỷ quyền này.

#### 4. THỜI HẠN ỦY QUYỀN.

Giấy uỷ quyền này có hiệu lực kể từ ngày 10. / 07/2024 cho đến khi có văn bản khác sửa đổi, điều chỉnh hoặc thay thế.

#### NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

  
 PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH  
*Nguyễn Chi Trung*

#### NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Chữ ký, dấu)

  
  
 CHỦ TỊCH HĐQT  
*Nguyễn Hải Bằng*

#### Nơi nhận:

- Hội đồng quản trị Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Ban Giám đốc;
- Phòng / Bộ phận chức năng;
- Lưu: VT;